

Số: 76/2018/QĐST-DS

Tân Phú Đông, ngày 10 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Minh H (tên gọi khác: Nguyễn Thị Minh H), sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp Tân H , xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Lê Thị Trang (tên gọi khác: Lê Thị Thùy T), sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Tân H , xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Lê Thị Trang có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Minh H số tiền nợ hụi là 99.000.000 đồng (*Chín mươi chín triệu đồng*).

Phương thức trả:

+ Trả lần 01 vào ngày 10/10/2018, với số tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

+ Trả lần 2 vào ngày 10/12/2018, với số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

+ Trả lần 3 vào ngày 10/02/2019, với số tiền 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Về án phí:

Bà Nguyễn Minh H phải chịu 1.237.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà H thuộc diện gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên chỉ phải nộp 618.750 đồng. Sau khi khấu trừ vào 1.237.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 48823 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A ngày 10/5/2018, hoàn lại bà H 618.750 đồng (*Một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Lê Thị T phải chịu 1.237.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà T thuộc diện gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên chỉ phải nộp 618.750 đồng (*Sáu trăm mười tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Ngọc H

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).